

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 4 - 2022

V/v tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – TỈNH NINH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Sửu

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phạm Ngọc Minh

- Bà Lê Thị Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2021/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021, về việc tranh chấp: "Ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXX-ST, ngày 15-4-2022 giữa.

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Minh T, sinh năm: 1982 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Anh T1, sinh năm: 1980 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Bà T, ông T1 tự tìm hiểu được 2 bên gia đình chấp nhận về chung sống 2005 có đến UBND xã A Đ ký kết hôn; quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc cho đến khoảng năm 2017 xảy ra mâu thuẫn ngấm ngấm kéo dài đến năm 2019 bà T làm đơn ly hôn Tòa án N xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, bà T, ông T1 tiếp tục chung sống năm 2021 tiếp tục xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T1 "ghen" vô cớ thường xảy ra cãi vã, không giải quyết được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không quan tâm đến nhau từ năm 2021 cho đến nay.

Nay bà T xét thấy tình cảm giữa bà với ông T1 không còn, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T1.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Huyền T2, sinh ngày: 16-12- 2006; Trần Hải Đ, sinh ngày: 26-12- 2011 hiện con chung bà T đang nuôi; bà T yêu cầu hỏi ý kiến các con chung muốn ở với ai thì người đó trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về thu nhập: Bà T khai thu nhập mỗi tháng 3.000.000 đồng (mua bán).

Bị đơn trình bày:

Về hôn nhân: Bà T, ông T1 tự tìm hiểu được 2 bên gia đình chấp nhận về chung sống 2005 có đến UBND xã A Đ ký kết hôn; quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc cho đến khoảng năm 2017 xảy ra mâu thuẫn,

Nguyên nhân ông T1 cho rằng bà T quen với người khác do “ghen” nên ông có lời nói xúc phạm đến bà T nên bà T làm đơn ly hôn năm 2019 Tòa án N xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, bà T, ông T1 chung sống đến năm 2021 tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, không giải quyết được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không quan tâm đến nhau từ năm 2021 cho đến nay.

Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn; ông T1 không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T, ông T1 cho rằng tình cảm của ông đối với bà T vẫn còn yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Huyền T2, sinh ngày: 16-12- 2006; Trần Hải Đ, sinh ngày: 26-12- 2011 hiện con chung bà T đang nuôi; ông T1 yêu cầu hỏi ý kiến các con chung muốn ở với ai thì người đó trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về thu nhập: Ông T1 khai thu nhập mỗi tháng 4.000.000 đồng (làm thuê).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử phiên tòa dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N thực hiện đúng thủ tục tố tụng từ khi triệu tập, thụ lý, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, hòa giải và các thủ tục khác cũng được thực hiện đầy đủ đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Đối với nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Luật hôn nhân và gia đình, Bộ luật tố tụng dân sự tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà T được ly hôn ông T1.

Giao bà T nuôi 02 con chung tên Trần Thị Huyền T2, sinh ngày: 16-12- 2006; Trần Hải Đ, sinh ngày: 26-12- 2011 hiện con chung bà T đang nuôi;

Về cấp dưỡng: Ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà T không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án này là: "Ly hôn, nuôi con chung"

[2] Nội dung pháp luật áp dụng: Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về hôn nhân: Bà Ngô Thị Minh T, ông Trần Anh T1 tự tìm hiểu chung sống với nhau năm 2005 có đến cơ quan cấp có thẩm quyền Đ ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc cho đến năm 2017 xảy ra xích mích, không giải quyết được dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng năm 2019 bà T làm đơn ly hôn Tòa án N xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, bà T, ông T1 chung sống đến năm 2021 tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, không giải quyết được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không quan tâm đến nhau từ năm 2021 cho đến nay.

Ông T1 yêu cầu Tòa án hòa giải đoàn tụ, nhưng ông T1 không tìm cách gằn gũi hàn gắn tình cảm, ông T1, bà T sống chung một nhà nhưng, không quan tâm đến nhau, không có trách nhiệm với nhau, bữa cơm hàng ngày mỗi người tự nấu ăn.

Xác minh chính quyền địa phương cho biết bà T, ông T1 không có trách nhiệm với nhau, không quan tâm đến nhau.

Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T, ông T1 cuộc sống chung không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T xin ly hôn ông T1 là có căn cứ phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Huyền T2, sinh ngày: 16-12- 2006; Trần Hải Đ, sinh ngày: 26-12- 2011 hiện 2 con chung bà T đang nuôi; 2 con chung mong muốn được ở với bà T

Từ phân tích trên Hội đồng xét xử, xử giao cho bà T trực tiếp nuôi 02 con chung tên Trần Thị Huyền T2, sinh ngày: 16-12- 2006; Trần Hải Đ, sinh ngày: 26-12- 2011 là phù hợp pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng: Ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà T không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T1, bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ; Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến, quan điểm về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên.

[8] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 38; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 "hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí";

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ngô Thị Minh T, bà Ngô Thị Minh T được ly hôn ông Trần Anh T1.

Về con chung: Giao cho bà Ngô Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Thị Huyền T2, sinh ngày: 16-12-2006; Trần Hải Đ, sinh ngày: 26-12- 2011 (hiện 2 con chung đang ở với bà T).

Về cấp dưỡng: Ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Ngô Thị Minh T là người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về án phí: Buộc bà Ngô Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà T đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 00002108 ngày 08-12-2021 của Chi cục T1 hành án dân sự huyện N.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có mặt. Báo cho những người có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28-4-2022).

- Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã A (để biết);
- Các đương sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

